BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 2782/QĐ-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Đề án "Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020"

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Căn cứ Văn bản số 5507/VPCP-KGVX ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ v/v Đề án phát triển du lịch;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án "Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển (sau đây gọi tắt là du lịch biển) nhanh và bền vững;

b) Ưu tiên phát triển du lịch biển chất lượng cao;

c) Phát triển du lịch biển phải luôn gắn với mục tiêu đảm bảo an ninh quốc phòng;

d) Phát triển du lịch biển phải được đặt trong quan hệ phát triển tổng thể chung về kinh tế-xã hội của vùng ven biển và phù hợp với Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2020, du lịch biển trở thành ngành động lực của kinh tế biển Việt Nam, góp phần thực hiện mục tiêu "*Phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự*

nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh" (Nghị quyết số 09/NQ-TƯ ngày 9/02/2007 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020) và thực hiện thành công Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Mục tiêu cụ thể: Đến năm 2020, du lịch biển phải có được ít nhất 06 điểm đến du lịch tầm cỡ quốc tế có sức cạnh tranh cao trong khu vực là Hạ Long - Bái Tử Long - Cát Bà; Lăng Cô - Cảnh Dương, Hội An - Cù Lao Chàm; Nha Trang - Cam Ranh, Phan Thiết - Mũi Né và Phú Quốc; hình thành và bước đầu đi vào khai thác một số cảng du lịch: Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh và Phú Quốc; thu hút được khoảng 22 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 58 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ du lịch biển đạt trên 200.000 tỷ đồng, tương đương 10 tỷ USD; tạo ra khoảng 600 nghìn việc làm trực tiếp và 1,1 triệu việc làm gián tiếp, bằng 71% tổng lượt khách du lịch quốc tế và 61% tổng lượt khách du lịch nội địa đi lại giữa các địa phương; 68% tổng thu từ du lịch toàn quốc.

3. Các định hướng phát triển chủ yếu

a) Thị trường du lịch biển

- Thị trường quốc tế: Ưu tiên thị trường gần và chú trọng thị trường có khả năng chi trả cao, theo đó các thị trường chủ yếu bao gồm: ASEAN; Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc); Úc; New Zealand; Châu Âu (Đức, Hà Lan, Pháp, Anh, Thụy Điển, Đan Mạch, Nga); Bắc Mỹ (Mỹ, Canada);

- Thị trường nội địa chủ yếu: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các đô thị lớn ven biển.

b) Sản phẩm du lịch biển

- Sản phẩm du lịch đặc thù: Ở khu vực ven biển phía Bắc là du lịch tham quan (tham quan các di tích lịch sử văn hóa - làng quê Việt, giá trị cảnh quan di sản thế giới vịnh Hạ Long và hệ thống các đảo) kết hợp du lịch sinh thái. Ở khu vực ven biển Bắc Trung Bộ là du lịch di sản (tham quan, nghiên cứu các di sản thế giới ở Việt Nam) kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển. Ở khu vực ven biển Nam Trung Bộ là du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển (vùng ven biển và trên các đảo), kết hợp du lịch tham quan cảnh quan vũng vịnh. Ở khu vực ven biển Nam Bộ là du lịch sinh thái - tham quan cảnh quan sông nước kết hợp du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển.

- Sản phẩm liên kết: Các sản phẩm du lịch liên kết theo vùng, miền (giữa các địa phương lân cận) và theo loại hình du lịch (kết hợp nghỉ dưỡng biển với khám phá thiên nhiên, văn hoá).

c) Xúc tiến quảng bá du lịch biển

- Tập trung chủ đề về du lịch biển trong các hoạt động xúc tiến quảng bá của Việt Nam; chọn lọc, tập trung nguồn lực thực hiện hoạt động xúc tiến du lịch ở một số thị trường trọng điểm về du lịch biển của Việt Nam;

- Xây dựng thương hiệu du lịch biển Việt Nam.

d) Phát triển nguồn nhân lực du lịch biển

- Đầu tư, nâng cấp và xây mới hệ thống các cơ sở đào tạo du lịch tại một số địa bàn trọng điểm du lịch ven biển: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh và Kiên Giang;

- Chú trọng tổ chức các khoá đào tạo bồi dưỡng về quản lý, kỹ năng nghề phục vụ phát triển du lịch biển, tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế.

đ) Tổ chức lãnh thổ du lịch biển

- Các không gian du lịch biển

+ Không gian du lịch biển Bắc Bộ: Từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh với trung tâm của vùng là thành phố Hạ Long và thành phố Hải Phòng và địa bàn trọng điểm du lịch là Vân Đồn - Cô Tô và Hạ Long - Cát Bà;

+ Không gian du lịch biển Bắc Trung Bộ: Từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi với trung tâm của vùng là thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng và địa bàn trọng điểm du lịch là Huế - Đà Nẵng và phụ cận;

+ Không gian du lịch biển Nam Trung Bộ: Từ Bình Định đến Bình Thuận với trung tâm của vùng là thành phố Nha Trang và địa bàn trọng điểm du lịch là Nha Trang - Ninh Chữ - Mũi Né;

+ Không gian du lịch biển Nam Bộ: Từ Bà Rịa - Vũng Tàu đến Kiên Giang với trung tâm của vùng là thành phố Hồ Chí Minh, Phú Quốc và địa bàn trọng điểm du lịch là Long Hải - Vũng Tàu - thành phố Hồ Chí Minh - Côn Đảo và Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc;

- Các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch vùng ven biển có vai trò động lực đối với phát triển du lịch biển nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung.

+ Các khu du lịch quốc gia: Hạ Long - Cát Bà, Vân Đồn, Trà Cổ, Tràng An, Kim Liên, Thiên Cầm, Phong Nha - Kẻ Bàng, Lăng Cô - Cảnh Dương, Sơn Trà, Bà Nà, Cù Lao Chàm, Mỹ Khê, Phương Mai, vịnh Xuân Đài, Bắc Cam Ranh, Ninh Chữ, Mũi Né, Cần Giờ, Long Hải - Phước Hải, Côn Đảo, Thới Sơn, Phú Quốc và Năm Căn;

+ Các điểm du lịch quốc gia: Yên Tử, Vân Long, vườn quốc gia Cúc Phương, đền Trần - Phủ Giày, thành Nhà Hồ, Ngã ba Đồng Lộc, khu lưu niệm Nguyễn Du, TP. Đồng Hới, thành cổ Quảng Trị, vườn quốc gia Bạch Mã, Ngũ Hành Sơn, Hoàng Sa (điểm dừng chân trên tuyến du lịch đường biển quốc tế), di tích Mỹ Sơn, Lý Sơn, Trường Luỹ, Trường Sa, Phú Quý, Củ Chi và thị xã Hà Tiên, Khu lưu niệm Cao Văn Lầu;

+ Các đô thị du lịch: Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Phan Thiết, Vũng Tàu và Hà Tiên.

- Các tuyến du lịch chủ yếu

+ Các tuyến nội vùng:

. Hạ Long - Bái Tử Long - Trà Cổ (đường bộ và đường biển);

. Hạ Long - Bái Tử Long - Cô Tô (đường biển, đường không);

. Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn (đường biển và đường sông);

. Hạ Long - Cát Bà - Hải Phòng - Đồ Sơn (đường biển, đường sông kết hợp đường bộ);

. Hải Phòng - Bạch Long Vĩ (đường biển, đường không);

. Hạ Long - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh (đường bộ kết hợp đường sắt, đường không);

. Huế - Đông Hà - Đồng Hới - Phong Nha - Kẻ Bàng (đường bộ, đường sắt);

. Huế - Đà Nẵng (đường bộ, đường sắt);

. Đà Nẵng - Hội An - Mỹ Sơn - Quảng Ngãi (đường bộ);

. Đà Nẵng - Hoàng Sa (đường biển);

. Nha Trang - Tuy Hoà - Quy Nhơn (đường bộ và đường sắt);

. Nha Trang - Văn Phong - Vũng Rô (đường biển, đường bộ);

. Nha Trang - Phan Rang - Phan Thiết (đường bộ, đường sắt);

. Nha Trang - Vĩnh Hy (đường biển, đường bộ);

. Nha Trang - Phan Thiết - Phú Quý (đường bộ kết hợp đường biển);

. Nha Trang - Trường Sa (đường biển);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu - Long Hải (đường bộ và đường biển);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu - Côn Đảo (đường bộ, đường biển)

. Thành phố Hồ Chí Minh - Côn Đảo (đường không);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Cà Mau - Kiên Giang (đường bộ, đường không);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Rạch Giá - Phú Quốc (đường bộ, đường biển, đường không);

+ Các tuyến ngoại vùng:

. Hạ Long - Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam (đường bộ, đường sắt);

. Hạ Long - Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh (đường bộ, đường sắt);

. Hạ Long - Hà Nội - vùng đồng bằng và trung du miền núi Bắc Bộ (đường bộ);

. Hạ Long - Cao Bằng - Hà Giang - vùng núi phía Bắc (đường bộ);

. Hạ Long - Hải Phòng - các tỉnh khu vực phía Nam (đường bộ, đường không);

. Hạ Long - khu vực và quốc tế (đường biển);

. Huế - Hà Nội - khu vực phía Bắc (đường bộ, đường không, đường sắt);

. Huế - Đông Hà - Lao Bảo - Hành lang Kinh tế Đông - Tây (đường bộ);

. Huế - Thành phố Hồ Chí Minh - khu vực phía Nam (đường bộ, đường không, đường sắt);

. Đà Nẵng - Thành phố Hồ Chí Minh - khu vực phía Nam (đường bộ, đường không, đường sắt);

. Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Tây Nguyên - Bờ Y - Tiểu vùng sông Mê kông mở rộng (đường bộ, đường không);

. Đà Nẵng - Hà Nội - khu vực phía Bắc (đường bộ, đường không, đường sắt);

. Đà Nẵng - khu vực và quốc tế (đường không, đường biển);

. Huế - khu vực và quốc tế (đường không, đường biển);

. Nha Trang - Tuy Hoà - Quy Nhơn - Bờ Y - Tiểu vùng sông Mê kông mở rộng (đường bộ, đường không);

. Nha Trang - Đà Lạt - Tây Nguyên - Bờ Y - Tiểu vùng sông Mê kông mở rộng (đường bộ, đường không);

. Nha Trang - Hà Nội - khu vực phía Bắc (đường bộ, đường sắt, đường không);

. Nha Trang - Đà Nẵng - khu vực Bắc Trung Bộ (đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển);

. Nha Trang - thành phố Hồ Chí Minh - khu vực phía Nam (đường bộ, đường sắt, đường không);

. Nha Trang - khu vực và quốc tế (đường không, đường biển);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang - Đà Nẵng - Hà Nội (tuyến xuyên Việt bằng đường bộ, đường sắt và đường không);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt - Tây Nguyên - Bờ Y - Tiểu vùng sông Mê kông mở rộng (đường bộ, đường không);

. Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - ĐBSCL - Tiểu vùng sông Mê kông mở rộng (đường bộ, đường không, đường sông);

. Thành phố Hồ Chí Minh - khu vực và quốc tế (đường bộ, đường không, đường biển);

. Phú Quốc - khu vực và quốc tế (đường không, đường biển).

e) Đầu tư phát triển du lịch biển

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển du lịch biển đến năm 2015 là hơn 114.000 tỷ đồng, tương đương 5,57 tỷ USD; đến năm 2020 là 145.000 tỷ đồng, tương đương 7,08 tỷ USD. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư bao gồm:

- Đầu tư nâng cấp và phát triển hạ tầng du lịch biển, chú trọng hệ thống cảng du lịch;
- Đầu tư xây dựng một số khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, đô thị du lịch ở vùng ven biển;
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch;
- Đầu tư phát triển các khu vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch ở vùng ven biển;
- Đầu tư tôn tạo và bảo tồn các giá trị di sản, ưu tiên các di sản thế giới ở vùng ven biển;

- Đầu tư thực hiện các biện pháp ứng phó (thích ứng và giảm nhẹ) tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là mực nước biển dâng ở các địa bàn trọng điểm du lịch biển và các đảo du lịch;

- Đầu tư xây dựng thương hiệu du lịch biển quốc gia và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch biển Việt Nam.

g) Phát triển du lịch biển gắn với đảm bảo an ninh - quốc phòng

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, các doanh nghiệp và các đối tác tham gia hoạt động du lịch về tầm quan trọng của đảm bảo an ninh quốc phòng đối với hoạt động du lịch;

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa ngành du lịch và ngành quốc phòng trong các hoạt động: Điều tra cơ bản phục vụ phát triển du lịch; quy hoạch phát triển du lịch ở vùng ven biển và hải đảo; tổ chức các tour du lịch ra các đảo xa bờ như Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa; nâng cấp và xây dựng hạ tầng du lịch ở vùng ven biển và hải đảo.

4. Những giải pháp chủ yếu

a) Hoàn thiện các cơ chế chính sách và các quy định của pháp luật nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch biển; tạo cơ chế chính sách thuận lợi cho đầu tư du lịch, khuyến khích đầu tư vào các vùng đất còn hoang sơ, đặc biệt là hệ thống đảo; khuyến khích phát triển các loại hình du lịch gắn với bảo tồn tự nhiên và văn hoá; hỗ trợ xúc tiến quảng bá du lịch biển trong và ngoài nước; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch biển.

b) Tăng cường năng lực cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến các địa phương ven biển đủ mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch biển thành ngành động lực của kinh tế biển; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch, Ban Chỉ đạo phát triển du lịch cấp tỉnh ở các địa phương ven biển nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp liên ngành.

c) Phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương ven biển tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch đảm bảo sự thống nhất trong khai thác tiềm năng, lợi thế tài nguyên biển cho phát triển du lịch biển, lồng ghép với kế hoạch ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là mực nước biển dâng; huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư hạ tầng du lịch biển, đặc biệt trên các đảo, bao gồm cả Hoàng Sa và Trường Sa; chú trọng đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực du lịch biển.

d) Chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch biển đặc thù, các sản phẩm du lịch biển hấp dẫn và có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế tiến tới xây dựng thương hiệu du lịch biển Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với ngành quốc phòng và các địa phương ven biển nhằm phát triển du lịch biển gắn với đảm bảo anh ninh quốc phòng và xoá đói giảm nghèo.

đ) Tăng cường nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển du lịch biển bền vững đứng từ góc độ bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu; đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương nhằm tăng cường xúc tiến quảng bá, thu hút khách, nâng cao vị thế, hình ảnh du lịch Việt Nam.

5. Khung kế hoạch hành động

Khung "Kế hoạch hành động về phát triển du lịch biển đến năm 2020" bao gồm:

a) Chương trình nâng cao nhận thức xã hội về du lịch biển;

b) Chương trình điều tra tổng hợp về tài nguyên du lịch biển;

c) Chương trình đầu tư có hệ thống và có trọng điểm hạ tầng du lịch biển;

d) Chương trình xây dựng các sản phẩm du lịch biển đặc thù;

đ) Chương trình xây dựng thương hiệu và xúc tiến quảng bá du lịch biển;

e) Chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho du lịch biển;

g) Chương trình hợp tác quốc tế về phát triển du lịch biển;

h) Dự án rà soát và hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển du lịch biển;

i) Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch biển Việt Nam đến năm 2020;

k) Dự án phát triển du lịch tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa;

l) Dự án lồng ghép kế hoạch ứng phó tác động của biến đổi khí hậu vào quy hoạch phát triển du lịch biển đến năm 2020;

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Tổng cục Du lịch và các đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị chức năng của các Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ven biển tổ chức triển khai thực hiện Đề án, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành và địa phương; Định kỳ cập nhật, đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ *(để báo cáo);*
- Phó TTg CP Nguyễn Thiện Nhân *(để báo cáo);*
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Bộ: KHĐT, GTVT, TC, TNMT, CA, QP, XD, CT, UBDT (*để phối hợp thực hiện)*;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ ven biển;
- Sở VHTTDL các tỉnh, TP trực thuộc TƯ ven biển (*để thực hiện)*;
- Lưu: VT, TCDL, ĐCT (180b).

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1426/SY-UBND

Nơi nhận:
- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- PVPVX, K5, K20;
- Lưu: VT (05b);

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 11 tháng 9 năm 2013

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Mai Việt Trung

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN, ĐẢO ĐẾN NĂM 2015

(Ban hành theo Quyết định số 2782/QĐ-BVHTTDL ngày15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

TT	Tên dự án	Thời kỳ thực hiện	Kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn khác	Ghi chú
1	Xây và nâng cấp QL1A; đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; tuyến đường ven biển; trong đó ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn nâng cấp hạ tầng du lịch đoạn Hải Phòng - Hạ Long; Huế - Đà Nẵng - Hội An và Nha Trang - Ninh Chữ - Phan Thiết	2014 - 2015	13.500	10.800	2.700	Phần lớn lồng ghép trong các dự án hạ tầng của ngành giao thông và quốc phòng
2	Xây dựng một số cầu cảng du lịch chuyên dụng tại một số địa bàn du lịch biển quan trọng: Cô Tô, Cát Bà - Đồ Sơn, Huế, Phan Thiết, Côn Đảo và Trường Sa	2014 - 2015	1.260	1.008	252	
3	Nâng cấp một số sân bay quan trọng để tăng cường khả năng đón nhận khách du lịch: Cát Bi (Hải Phòng), Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình), Đà Nẵng, Phù Cát (Bình Định), Tuy Hoà (Phú Yên), Cam Ranh (Khánh Hoà), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Tân Sơn Nhất (TP. HCM), Cà Mau (Cà Mau) và Rạch Giá (Kiên Giang)	2014 - 2015	40.000	32.000	8.000	Phần lớn lồng ghép vào các kế hoạch/chương trình nâng cấp hạ tầng sân bay của ngành giao thông
4	Phát triển hệ thống hạ tầng một số khu du lịch quốc gia mang tính động lực cho phát triển du lịch biển bao gồm: Hạ Long - Cát Bà; Vân Đồn; Tràng An; Phong Nha - Kẻ Bàng; Lăng Cô - Cảnh Dương; Sơn Trà; Mỹ Khê; Cù Lao Chàm; Bắc Cam Ranh; Ninh Chữ; Mũi Né; Long Hải - Phước Hải; Côn Đảo; Phú Quốc	2014 - 2015	294	235	59	Lồng ghép một phần với các dự án phát triển của các ngành giao thông, điện lực, cấp thoát nước
5	Nâng cấp một số cơ sở đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch tại các trọng điểm du lịch biển: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Thừa Thiên -	2014 - 2015	105	105	-	Kết hợp với các chương trình nâng cấp cơ sở đào tạo của ngành giáo dục và các dự án

	Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh và Kiên Giang					hỗ trợ đào tạo của quốc tế
6	Đầu tư bảo tồn các giá trị di sản thế giới ở vùng ven biển: vịnh Hạ Long, thành Nhà Hồ, VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn	2014 - 2015	210	105	105	Kết hợp nguồn vốn UNESCO và các tổ chức quốc tế khác và lồng ghép trong các chương trình bảo tồn di tích văn hoá
7	Đầu tư xây dựng mô hình mẫu về ứng phó với BĐKH và NBD trong hoạt động du lịch tại 06 trọng điểm du lịch biển: vịnh Hạ Long, Thuận An - Lăng Cô, Hội An - đảo Cù Lao Chàm, Ninh Chữ - Mũi Né; Cà Mau và Phú Quốc	2014 - 2015	30	15	15	Lồng ghép với Kế hoạch ứng phó với BĐKH của Bộ VHTTDL
8	Xây dựng thương hiệu du lịch biển Việt Nam	2014 - 2015	10	5	5	Lồng ghép với Chương trình HĐQG về du lịch
	Tổng cộng		**55.409**	**44.273**	**11.136**	